

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày 03/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Nhân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông;

2. Ông Ngô Văn Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/QĐST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 181/2020/QĐST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Duy H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/8/2020.

- *Bị đơn:*

1/- Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1974;

2/- Bà Trần Thị D, sinh năm 1977; có mặt.

Đều ở địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Đoàn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/6/2020, nguyên đơn Đoàn Duy H và người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày:

Từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 7 năm 2019, ông Đoàn Duy H bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông Đoàn Văn C và bà Trần Thị D. Hai bên thỏa thuận khi heo xuất chuồng thì bên mua trả đủ tiền thức ăn cho bên bán nhưng phía vợ chồng ông C, bà D thực hiện không đúng thỏa thuận.

Đến ngày 25 tháng 7 năm 2019, hai bên chốt nợ thì vợ chồng ông C, bà D còn nợ ông H số tiền 396.314.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông C có trả cho ông H được

20.000.000 đồng và ông H đồng ý hỗ trợ cho ông C 4.000.000 đồng nên vợ chồng ông C còn nợ ông H tổng số tiền là 372.314.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 01/6/2020, do nhầm lẫn nên ông H chấp nhận số tiền nợ do phía bị đơn thừa nhận là 321.502.000 đồng sau khi đã trừ đi số tiền ông H đồng ý hỗ trợ là 50.812.000 đồng nhưng qua đối chiếu sổ sách thì số tiền vợ chồng ông C còn nợ ông H là 372.000.000 đồng, ông H đã trừ xong số tiền ông hứa hỗ trợ cho ông C. Nay ông H yêu cầu ông C và bà D liên đới trả số nợ trên, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Trần Thị D trình bày: Bà D thừa nhận bà và ông C có mua thức ăn chăn nuôi heo của ông H. Đến nay thì vợ chồng bà còn nợ ông H số tiền 321.502.000 đồng và vợ chồng bà đồng ý trả số nợ trên. Số tiền theo ông H cộng sổ sách là không chính xác do ông H chưa trừ đi khoản tiền ông H hỗ trợ vợ chồng bà theo thỏa thuận là 50.812.000 đồng.

Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01 tháng 6 năm 2020, bị đơn Đoàn Văn C trình bày:

Ông C thừa nhận còn thiếu tiền thức ăn chăn nuôi heo của ông H nhưng con số chính xác là 321.502.000 đồng, không phải là 372.314.000 đồng như ông H đã khai. Số tiền mà ông H khai là do ông H chưa trừ đi số tiền 50.812.000 đồng mà ông H hứa hỗ trợ ông. Ông C đồng ý trả cho ông H số tiền ông còn nợ là 321.502.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, vụ việc được quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo xác nhận đề ngày 27/11/2019 của Công an xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre thì các bị đơn Đoàn Văn C và Trần Thị D hiện đang đăng ký thường trú và cư trú tại ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Xét thấy người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn Đoàn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Duy H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn Đoàn Duy H cho rằng ông C và bà D còn nợ ông số tiền 372.314.000 đồng. Ông yêu cầu vợ chồng

ông C liên đới trả số nợ trên và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng kể từ ngày 25/8/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên hòa giải ngày 01 tháng 6 năm 2020, ông H và người đại diện theo ủy quyền của ông H công nhận phía bị đơn còn nợ ông số tiền 321.502.000 đồng, ông H đồng ý cho vợ chồng ông C trả số nợ trên và không yêu cầu tính lãi trên nợ gốc. Đến ngày 05 tháng 6 năm 2020, ông H làm đơn thay đổi ý kiến đã thỏa thuận và yêu cầu vợ chồng ông C trả số nợ gốc là 372.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho ông H giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh hiện tại vợ chồng ông C còn nợ ông số tiền 372.000.000 đồng. Hơn nữa, việc ông H liên tục thay đổi lời khai về số tiền mà vợ chồng ông C còn nợ ông cho thấy ông không có cơ sở vững chắc để khẳng định số tiền chính xác mà các bị đơn còn nợ ông là bao nhiêu. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thừa nhận của các bị đơn Đoàn Văn C và Trần Thị D chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Duy H. Buộc ông C và bà D liên đới trả cho ông H số tiền 321.502.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Duy H đối với số tiền còn lại là 50.498.000 đồng.

Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên nợ gốc.

[3] Về án phí:

Ông Đoàn Văn C và bà Trần Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 5% là 16.075.000 đồng.

Ông Đoàn Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 5% đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 2.525.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; các điểm a, b Khoản 1 Điều 24 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Duy H.

Cụ thể tuyên:

Buộc ông Đoàn Văn C và bà Trần Thị D liên đới trả cho ông Đoàn Duy H số tiền 321.502.000 (ba trăm hai mươi một triệu năm trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông H, nếu ông C và bà D chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bác yêu cầu của ông Đoàn Duy H về việc buộc ông Đoàn Văn C và bà Trần Thị D liên đới trả số tiền 50.498.000 đồng.

Về án phí:

Ông Đoàn Văn C và bà Trần Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 5% là 16.075.000(mười sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Đoàn Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch 5% đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 2.525.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 9.540.000 đồng tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008213, ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam nên ông H được hoàn trả 7.015.000(bảy triệu không trăm mười lăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo Bản án; đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V. phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

đã ký

Lê Chí Nhân